TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **313**/2019/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 11 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 298/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn H, xã Thái L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai N, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn H, xã Thái L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Mai N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2011 và cháu Đỗ Đức H, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2017, cho Anh Đỗ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mai N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Đỗ Đức H, mức cấp dưỡng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/tháng; phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 11

năm 2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

"*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự".*

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn C tự nguyện nhận chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002973, ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho anh C số tiền chênh lệch là 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Nguyễn Thị Mai N phải nộp 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND xã Thái L;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lương Thanh Huyền